

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	18.613.500	40.567.018	217,9	104,5
I	Thu cân đối NSNN	18.613.500	20.830.747	111,9	129,0
1	Thu nội địa	15.013.500	17.139.315	114,2	122,5
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.600.000	3.646.882	101,3	171,1
3	Thu viện trợ	-	1.867	-	-
4	Thu các khoản huy động, đóng góp	-	42.683	-	253,0
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	19.736.271	-	87,0
B	TỔNG CHI NSDP	18.170.179	18.302.770	100,7	105,0
I	Chi cân đối NSDP	17.507.645	17.646.369	100,8	101,2
1	Chi đầu tư phát triển	6.932.323	8.275.765	119,4	95,8
2	Chi trả nợ lãi	3.500	3.500	-	-
3	Chi thường xuyên	9.272.322	8.760.682	94,5	99,6
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-
5	Dự phòng NSNN	516.500	-	-	-
6	Chi cải cách tiền lương	-	-	-	-
7	Chi thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình	165.000	157.352		
8	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	55.000	27.596		
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và các nhiệm vụ khác khi có biến động về số thu ngân sách năm 2024 của tỉnh	562.000	420.474		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	662.534	656.401	99,1	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	36.168	-		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	22.080	29.318		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	18.613.500	20.830.747	111,9	129,0
I	Thu nội địa	15.013.500	17.139.315	114,2	122,5
1	Thu DNNN Trung ương	124.000	186.013	150,0	114,1
2	Thu DNNN địa phương	46.000	54.172	117,8	139,5
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài	250.000	228.988	91,6	98,3
4	Thuế CTN - ngoài quốc doanh	9.535.000	10.902.277	114,3	105,6
5	Thuế thu nhập cá nhân	340.000	484.956	142,6	138,8
6	Thu thuế bảo vệ môi trường	150.000	210.487	140,3	132,7
7	Các loại phí, lệ phí	125.000	134.607	107,7	111,5
8	Lệ phí trước bạ	300.000	378.846	126,3	128,4
9	Các khoản thu về nhà, đất	3.798.000	4.046.040	106,5	219,7
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.000	25.549	141,9	128,1
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	80.000	75.531	94,4	63,4
-	Thu tiền sử dụng đất	3.700.000	3.944.960	106,6	231,7
-	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	55.000	56.161	102,1	101,1
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	53.433	106,9	97,0
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.000	59.099	295,5	160,5
13	Thu khác ngân sách	220.000	343.239	156,0	108,0
14	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	500	997	199,4	146,6
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Tổng thu từ hoạt động XNK	3.600.000	3.646.882	101,3	171,1

STT	Nội dung	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
IV	Thu viện trợ	-	1.867	-	-
V	Các khoản huy động, đóng góp	-	42.683	-	253,0
B	TỔNG THU NSDP	17.563.644	19.957.308	113,6	146,1
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.668.932	15.554.596	113,8	124,2
1	Các khoản phân chia theo tỷ lệ (%)	9.165.932	10.574.600	115,4	107,1
2	Các khoản NSDP được hưởng 100%	4.503.000	4.979.996	110,6	187,8
II	Bổ sung từ NSTW	3.894.712	4.402.712	113,0	388,2
1	Bổ sung cân đối				
2	Bổ sung có mục tiêu	3.894.712	4.402.712	113,0	269,4

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /01/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
a	b	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	18.170.179	18.302.770	100,7	105,0
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	17.507.645	17.646.369	100,8	101,2
I	Chi đầu tư phát triển	6.932.323	8.275.765	119,4	95,8
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	6.788.123	8.121.065	119,6	98,4
2	Cho đầu tư, hỗ trợ vốn cho các quỹ và đầu tư phát triển khác	144.200	154.700	107,3	40,1
II	Chi thường xuyên	9.272.322	8.760.682	94,5	99,6
1	Chi các hoạt động kinh tế	986.033	713.487	72,4	72,7
2	Chi bảo vệ môi trường	293.488	159.582	54,4	103,6
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.996.312	3.756.792	94,0	102,4
4	Chi y tế, dân số và gia đình	714.236	746.655	104,5	104,1
5	Chi khoa học công nghệ	112.318	72.085	64,2	153,3
6	Chi văn hoá thông tin	177.044	214.326	121,1	109,6
7	Chi phát thanh truyền hình	64.653	58.044	89,8	91,4
8	Chi thể dục thể thao	105.332	104.886	99,6	101,4
9	Chi đảm bảo xã hội	723.337	654.928	90,5	97,9
10	Chi quản lý nhà nước, đảng và đoàn thể	1.722.387	1.791.431	104,0	107,7
11	Chi quốc phòng và an ninh	311.306	451.573	145,1	93,2
12	Chi khác ngân sách	65.876	36.893	56,0	80,7
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0	-
IV	Dự phòng ngân sách	516.500		-	
V	Chi trả nợ lãi vay	3.500	3.500	100,0	-
VI	Chi cải cách tiền lương				

TT	Nội dung	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
VII	Chi thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình	165.000	157.352	95,4	
VIII	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	55.000	27.596	50,2	
IX	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và các nhiệm vụ khác khi có biến động về số thu ngân sách năm 2024 của tỉnh	562.000	420.474	74,8	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	662.534	656.401	99,1	
1	Chi chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	611.380	605.247	99,0	
	<i>Trong đó: Đầu tư các dự án từ nguồn vốn NN</i>	<i>92.000</i>		-	
2	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách vốn sự nghiệp	51.154	51.154	100,0	
	<i>Trong đó: Chi các nhiệm vụ từ nguồn vốn NN</i>		-		

Ghi chú:

Chi NSDP bao gồm cả chi từ nguồn được chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 theo quy định.